**NỘI DUNG TUYÊN TRUYỀN LUẬT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO**

**LUẬT KHIẾU NẠI**

Luật Khiếu nại đã được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII, kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 11 tháng 11 năm 2011, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2012. Luật Khiếu nại gồm 8 chương với 70 điều. Những điểm mới đáng chú ý là:

1. Về khái niệm “quyết định hành chính”:

Theo quy định tại Điều 2 của Luật thì đối tượng của khiếu nại là quyết định hành chính, hành vi hành chính của cơ quan hành chính nhà nước, của người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính nhà nước hoặc quyết định kỷ luật cán bộ, công chức.

So với quy định hiện hành thì đối tượng của khiếu nại vẫn được giữ nguyên, điểm khác là cách hiểu về quyết định hành chính. Nếu như trước kia, quyết định hành chính phải là quyết định bằng văn bản thì hiện nay Quyết định hành chính là văn bản do cơ quan hành chính nhà nước hoặc người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính nhà nước ban hành để quyết định về một vấn đề cụ thể trong hoạt động quản lý hành chính nhà nước được áp dụng một lần đối với một hoặc một số đối tượng cụ thể. Như vậy, quyết định hành chính hiện nay được hiểu rộng hơn, không chỉ bao gồm các văn bản được ban hành dưới hình thức một quyết định mà bao gồm cả các văn bản dù không dưới hình thức quyết định nhưng chứa đựng những quy định đụng chạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của công dân và doanh nghiệp.

Như vậy Quyết định hành chính thuộc đối tượng khiếu nại là văn bản được thể hiện dưới hình thức quyết định hoặc dưới hình thức khác như thông báo, kết luận, công văn do cơ quan hành chính nhà nước, cơ quan, tổ chức khác hoặc người có thẩm quyền trong các cơ quan, tổ chức đó ban hành có chứa đựng nội dung của quyết định hành chính được áp dụng một lần đối với một hoặc một số đối tượng cụ thể về một vấn đề cụ thể trong hoạt động quản lý hành chính mà người khiếu nại cho rằng quyền, lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm (trừ những văn bản thông báo của cơ quan, tổ chức hoặc người có thẩm quyền của cơ quan, tổ chức trong việc yêu cầu cá nhân, cơ quan, tổ chức bổ sung, cung cấp hồ sơ, tài liệu có liên quan đến việc giải quyết, xử lý vụ việc cụ thể theo yêu cầu của cá nhân, cơ quan, tổ chức đó).

2. Việc áp dụng quy định của Luật Khiếu nại

Ngoài việc quy định việc khiếu nại của cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài cũng được áp dụng theo Luật Khiếu nại thì còn rất nhiều vấn đề mới đáng quan tâm. Đó là việc khiếu nại và giải quyết các khiếu nại quyết định hành chính, hành vi hành chính trong đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước cũng như trong một số cơ quan tổ chức khác.

Đơn vị sự nghiệp công lập (các cơ sở y tế, giáo dục đào tạo, nghiên cứu khoa học, cơ quan báo chí, phát thanh, truyền hình…) và các doanh nghiệp nhà nước không phải là cơ quan quản lý hành chính nhà nước và hoạt động theo những cơ chế tự chủ riêng. Tuy nhiên, các đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước hoạt động trên cơ sở lợi ích công và chịu sự chỉ đạo của các cơ quan nhà nước. Việc tổ chức và hoạt động của doanh nghiêp nhà nước do pháp luật quy định và bản thân quá trình điều hành đơn vị nghiệp, doanh nghiệp nhà nước cũng có những quyết định hành chính, hành vi hành chính. Vì thế, dù đó không phải là các quyết định hành chính, hành vi hành chính của cơ quan hành chính nhà nước nhưng có thể áp dụng quy định của Luật Khiếu nại để giải quyết. Do tính chất và hình thức tổ chức của các đơn vị sự nghiệp công lập khá đa dạng nên Chính phủ sẽ có hướng dẫn cụ thể về vấn đề này.

Trong các cơ quan Đảng, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp cũng có thể xảy ra các khiếu nại đối với việc thực hiện chính sách pháp luật nói chung hay việc thực hiện các điều lệ, quy chế riêng được áp dụng đối với các thành viên của tổ chức đó. Vì vậy, Luật Khiếu nại quy định các cơ quan có thẩm quyền của các tổ chức này hướng dẫn việc khiếu nại và giải quyết khiếu nại trong cơ quan, tổ chức mình. Việc hướng dẫn này có thể vận dụng các quy định của Luật Khiếu nại đồng thời căn cứ vào tính chất, đặc điểm về tổ chức và hoạt động của các cơ quan, tổ chức đó để quy định cho phù hợp.

Cũng tương tự như vậy, trong các cơ quan, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán Nhà nước, Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch nước và các cơ quan khác của Nhà nước (không phải là cơ quan hành chính) cũng có những khiếu nại mang tính chất nội bộ, chủ yếu giữa các cán bộ, công chức về những vấn đề liên quan đến quyền và lợi ích của họ. Căn cứ vào Luật Khiếu nại, các cơ quan này quy định việc khiếu nại và giải quyết khiếu nại trong cơ quan mình.

Điểm đặc biệt lưu ý là quy định tại Khoản 5 của Điều 3 Luật Khiếu nại: Trường hợp luật khác có quy định khác về khiếu nại và giải quyết khiếu nại thì áp dụng theo quy định của luật đó. Luật Khiêu nại là văn bản đầy đủ nhất về các vấn đề liên quan đến khiếu nại hành chính và có thể áp dụng chung đối với mọi khiếu nại hành chính. Tuy nhiên, trong từng nghành, từng lĩnh vực, do tính chất và đặc điểm về tổ chức và hoạt động có khác nhau nên trong các đạo luật chuyên ngành có thể có những quy định về khiếu nại và giải quyết khiếu nại khác với quy định của Luật Khiếu nại. Trong trường hợp đó thì áp dụng các quy định của luật chuyên ngành đó. Mặc dù vậy những vấn đề mà luật chuyên ngành đó không quy định thì vẫn có thể áp dụng theo Luật Khiếu nại, chẳng hạn về quyền và nghĩa vụ của người khiếu nại, người bị khiếu nại, người giải quyết khiếu nại, trình tự thủ tục giải quyết, nội dung quyết định giải quyết…

3. Về trách nhiệm của cơ quan thanh tra

Theo quy định của Luật Khiếu nại, tố cáo thì trách nhiệm tham mưu cho thủ trưởng cơ quan quản lý trong việc giải quyết khiếu nại đương nhiên thuộc về cơ quan thanh tra thì theo quy định của Luật Khiếu nại lần này, trách nhiệm tham mưu còn thuộc về nhiều cơ quan khác, nhất là cơ quan chuyên môn, chẳng hạn các sở, ban, ngành thuộc Uỷ ban nhân dân các cấp. Cơ quan thanh tra chỉ thực hiện nhiệm vụ này (kiểm tra, xác minh, kết luận, kiến nghị) khi Thủ trưởng cơ quan quản lý giao.

Ngoài ra, Luật Khiếu nại còn quy định trách nhiệm của Chánh thanh tra các cấp, các ngành: Giúp thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan thuộc quyền quản lý trực tiếp của thủ trưởng trong việc tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, thi hành quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật về khiếu nại gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, cơ quan, tổ chức thì kiến nghị thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp hoặc kiến nghị người có thẩm quyền áp dụng biện pháp cần thiết để chấm dứt vi phạm, xem xét trách nhiệm, xử lý đối với người vi phạm.

4. Về trình tự khiếu nại: nếu như trước đây người khiếu nại lần đầu phải khiếu nại với người đã ra quyết định hành chính hoặc cơ quan có người có hành vi hành chính, thì nay theo qui định tại Điều 7 của Luật, những đối tượng này có quyền khiếu nại lần đầu đến người đã ra quyết định hành chính hoặc cơ quan có người có hành vi hành chính hoặc có quyền khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án theo qui định của Luật Tố tụng hành chính. Việc khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án vẫn có thể thực hiện ở bất kỳ giai đoạn nào trong quá trình giải quyết khiếu nại.

5. Về quyền của người khiếu nại: Trước đây người khiếu nại chỉ được phép nhờ luật sư giúp đỡ về pháp luật trong quá trình khiếu nại thì nay tại Khoản 1 Điều 12 của Luật qui định cụ thể người khiếu nại có quyền ủy quyền cho luật sư hoặc trợ giúp viên pháp lý khiếu nại để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình. Đồng thời Luật cũng qui định một số quyền khác cho người khiếu nại mà trước đây không qui định như quyền được biết, đọc, sao chụp, sao chép tài liệu, chứng cứ do người giải quyết khiếu nại thu thập để giải quyết khiếu nại, trừ thông tin, tài liệu thuộc bí mật nhà nước; quyền yêu cầu cá nhân, cơ quan, tổ chức có liên quan đang lưu giữ, quản lý thông tin, tài liệu liên quan tới nội dung khiếu nại cung cấp thông tin, tài liệu đó cho mình trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày có yêu cầu để giao nộp cho người giải quyết khiếu nại, trừ thông tin, tài liệu thuộc bí mật Nhà nước,…

6. Về nhiều người cùng khiếu nại về cùng nội dung: Luật đã bổ sung qui định mới về trường hợp nhiều người khiếu nại về cùng một nội dung. Theo đó, nhiều người đến khiếu nại về cùng một nội dung mà khiếu nại trực tiếp thì cơ quan có thẩm quyền tổ chức tiếp và hướng dẫn người khiếu nại cử đại diện để trình bày nội dung khiếu nại; người tiếp nhận khiếu nại ghi lại việc khiếu nại bằng văn bản. Nếu nhiều người khiếu nại bằng đơn thì trong đơn phải có chữ ký của những người khiếu nại và phải cử đại diện để trình bày khi có yêu cầu của người giải quyết khiếu nại (Khoản 4 Điều 8). Đồng thời, Luật cũng bổ sung thêm qui định về việc ra quyết định giải quyết khiếu nại của người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại trong trường hợp này (Khoản 3 Điều 31).

7. Về việc thi hành quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật: Nếu trước đây không có qui định cụ thể về việc thi hành quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật thì nay tại Mục 4 Chương III của Luật qui định cụ thể những người có trách nhiệm thực hiện quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật và việc thi hành quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật nhằm bảo đảm các quyết định giải quyết khiếu nại tuân thủ theo đúng qui định pháp luật.

8. Việc tổ chức tiếp công dân.

Nhằm bảo đảm việc tiếp công dân có hiệu quả cũng như góp phần thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước, Luật khiếu nại quy định tiếp công dân không chỉ tiếp công dân đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh liên quan đến khiếu nại, tố cáo mà còn cả các kiến nghị, phản ánh nói chung. Luật Khiếu nại cũng quy định cán bộ tiếp công dân có quyền từ chối tiếp trong các trường hợp: Người đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh về vụ việc đã được kiểm tra xem xét và đã có quyết định hoặc kết luận giải quyết của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật và đã được trả lời đầy đủ; người vi phạm quy chế tiếp công dân.

Gắn việc tiếp công dân của thủ trưởng với việc xem xét, chỉ đạo, giải quyết các vụ việc khiếu nại, tố cáo, Luật Khiếu nại đã quy định: Người phụ trách trụ sở, địa điểm tiếp công dân trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của người có thẩm quyền; xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý hành vi vi phạm pháp luật về khiếu nại, tố cáo của người có trách nhiệm trong giải quyết khiếu nại, tố cáo.

**LUẬT TỐ CÁO**

Luật Tố cáo năm 2011 được xây dựng trên cơ sở tổng kết thực tiễn thực hiện Luật Khiếu nại, tố cáo năm 1998, Luật kế thừa những nội dung phù hợp và bổ sung một số quy định đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước trong tình hình mới. Luật Tố cáo 2011 được thông qua tại kỳ họp thứ 2, Quốc hội khóa XIII và sẽ bắt đầu có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1-7-2012. Luật gồm 8 chương, 50 điều, với nhiều quy định mới. Việc thi hành những quy định này sẽ thiết thực góp phần bảo vệ quyền tố cáo của công dân, qua đó nâng cao hiệu quả đấu tranh chống tiêu cực ở Việt Nam hiện nay. Dưới đây là một số điểm mới cơ bản trong Luật Tố cáo 2011:

1. Về phạm vi điều chỉnh: Để cụ thể hoá các quy định của Hiến pháp năm 1992, được sửa đổi, bổ sung năm 2001 về quyền tố cáo của công dân cũng như trách nhiệm, nghĩa vụ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong việc giải quyết tố cáo, Luật Tố cáo quy định đối với 02 nhóm hành vi vi phạm pháp luật: một là, quy định về tố cáo và giải quyết tố cáo đối với hành vi vi phạm pháp luật của cán bộ, công chức, viên chức trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ; hai là, quy định tố cáo và giải quyết tố cáo đối với hành vi vi phạm pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân về quản lý nhà nước trong các lĩnh vực. Đây là điểm mới cơ bản của Luật Tố cáo. Hành vi vi phạm pháp luật trong các lĩnh vực theo Luật Tố cáo bao gồm tất cả các hành vi vi phạm pháp luật của bất cứ cơ quan, tổ chức, cá nhân nào trong xã hội, kể cả vi phạm của cán bộ, công chức, viên chức ngoài phạm vi thực hiện nhiệm vụ, công vụ và vi phạm của tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam. Trình tự, thủ tục tố cáo và giải quyết tố cáo đối với hành vi vi phạm pháp luật của từng loại đối tượng nêu trên được quy định cụ thể tại Chương III và Chương IV của Luật. Nhằm bảo đảm sự thống nhất trong hệ thống pháp luật, Điều 3 Luật Tố cáo quy định áp dụng pháp luật về tố cáo và giải quyết tố cáo.

2. Quyền và nghĩa vụ của người tố cáo, người bị tố cáo, người giải quyết tố cáo:

Trên cơ sở kế thừa các quy định còn phù hợp của Luật Khiếu nại, tố cáo, Luật Tố cáo đã quy định cụ thể và đầy đủ hơn về quyền, nghĩa vụ của người tố cáo, người bị tố cáo, người giải quyết tố cáo. Cụ thể là:

2.1 Quyền, nghĩa vụ của người tố cáo: Luật Tố cáo đã quy định bổ sung người tố cáo có thêm các quyền và nghĩa vụ như:

- Quyền giữ bí mật họ, tên, địa chỉ, bút tích và thông tin cá nhân khác là quyền đương nhiên của người tố cáo và các cơ quan nhà nước có trách nhiệm thực hiện các biện pháp để bảo đảm quyền này của người tố cáo. Vì đây là quyền của người tố cáo nên người tố cáo có thể thực hiện hoặc không thực hiện.

- Quyền được yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền thông báo về việc thụ lý giải quyết tố cáo, thông báo chuyển vụ việc tố cáo sang cơ quan có thẩm quyền giải quyết; được quyền tố cáo tiếp; được khen thưởng theo quy định của pháp luật.

- Nghĩa vụ phải nêu rõ họ, tên, địa chỉ của mình; trình bày trung thực về nội dung tố cáo; cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung tố cáo mà mình có được; chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung tố cáo của mình và có nghĩa vụ phải bồi thường thiệt hại do hành vi cố ý tố cáo sai sự thật của mình gây ra.

2.2. Quyền, nghĩa vụ của người bị tố cáo: Luật Tố cáo đã bổ sung quy định người bị tố cáo có quyền và nghĩa vụ:

+ Quyền được nhận thông báo kết quả giải quyết tố cáo; yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý người cố ý giải quyết tố cáo trái pháp luật; được xin lỗi, cải chính công khai do việc tố cáo, giải quyết tố cáo không đúng gây ra.

+ Nghĩa vụ giải trình bằng văn bản về hành vi bị tố cáo; cung cấp thông tin, tài liệu liên quan khi cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền yêu cầu; chấp hành nghiêm chỉnh quyết định xử lý của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền; bồi thường, bồi hoàn thiệt hại do hành vi trái pháp luật của mình gây ra.

2.3. Quyền, nghĩa vụ của người giải quyết tố cáo (Điều 11)

Luật Tố cáo đã quy định một điều mới về quyền và nghĩa vụ của người giải quyết tố cáo. Theo đó, người giải quyết tố cáo có các quyền và các nghĩa vụ sau:

+ Người giải quyết tố cáo có các quyền: Yêu cầu người tố cáo cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung tố cáo; yêu cầu người bị tố cáo giải trình bằng văn bản về hành vi bị tố cáo; yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung tố cáo; tiến hành các biện pháp kiểm tra, xác minh, thu thập chứng cứ để giải quyết tố cáo theo quy định của pháp luật; áp dụng các biện pháp theo thẩm quyền để ngăn chặn, chấm dứt hành vi vi phạm pháp luật và kết luận về nội dung tố cáo; quyết định xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

+ Người giải quyết tố cáo có các nghĩa vụ: Bảo đảm khách quan, trung thực, đúng pháp luật trong việc giải quyết tố cáo; áp dụng các biện pháp cần thiết theo thẩm quyền hoặc yêu cầu cơ quan chức năng áp dụng các biện pháp để bảo vệ người tố cáo, người thân thích của người tố cáo, người cung cấp thông tin có liên quan đến việc tố cáo; không tiết lộ thông tin gây bất lợi cho người bị tố cáo khi chưa có kết luận về nội dung tố cáo và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc giải quyết tố cáo; bồi thường, bồi hoàn thiệt hại do hành vi giải quyết tố cáo trái pháp luật của mình gây ra.

3. Về thẩm quyền giải quyết tố cáo đối với hành vi vi phạm pháp luật của cán bộ, công chức, viên chức trong thực hiện nhiệm vụ, công vụ

3.1. Nguyên tắc xác định thẩm quyền giải quyết tố cáo

Điều 12 Luật Tố cáo đã quy định cụ thể hơn nguyên tắc xác định thẩm quyền giải quyết tố cáo đối với hành vi vi phạm pháp luật của cán bộ, công chức, viên chức trong thực hiện nhiệm vụ. Cụ thể như sau:

“1. Tố cáo hành vi vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ của cán bộ, công chức, viên chức do người đứng đầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền quản lý cán bộ, công chức, viên chức đó giải quyết.

Tố cáo hành vi vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức do người đứng đầu cơ quan, tổ chức cấp trên trực tiếp của cơ quan, tổ chức đó giải quyết.

2. Tố cáo hành vi vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ của cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của nhiều cơ quan, tổ chức do người đứng đầu cơ quan, tổ chức trực tiếp quản lý cán bộ, công chức, viên chức bị tố cáo phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan giải quyết.

3. Tố cáo hành vi vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ của cán bộ, công chức, viên chức có dấu hiệu tội phạm do cơ quan tiến hành tố tụng giải quyết theo quy định của pháp luật về tố tụng hình sự.”

3.2. Thẩm quyền giải quyết tố cáo hành vi vi phạm pháp luật của cán bộ, công chức trong thực hiện nhiệm vụ, công vụ trong cơ quan hành chính nhà nước

Để cụ thể hoá nguyên tắc trên, Điều 13 Luật quy định cụ thể, chi tiết về thẩm quyền giải quyết tố cáo hành vi vi phạm pháp luật của cán bộ, công chức trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ trong hệ thống các cơ quan hành chính nhà nước.

3.3. Thẩm quyền giải quyết tố cáo hành vi vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ khác bao gồm: thẩm quyền giải quyết tố cáo hành vi vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ của viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập; thẩm quyền giải quyết tố cáo hành vi vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, công chức, viên chức của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội và thẩm quyền giải quyết tố cáo hành vi vi phạm pháp luật của người được giao thực hiện nhiệm vụ, công vụ mà không phải là cán bộ, công chức, viên chức. Cụ thể là thẩm quyền giải quyết tố cáo của Chánh án Toà án nhân dân, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân các cấp; của Tổng Kiểm toán Nhà nước, Kiểm toán trưởng Kiểm toán Nhà nước chuyên ngành, Kiểm toán Nhà nước khu vực; của người đứng đầu cơ quan khác của Nhà nước; của cơ quan có thẩm quyền quản lý đối với cán bộ là đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp; của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập; của người đứng đầu cơ quan của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội…

4. Thẩm quyền giải quyết tố cáo đối với hành vi vi phạm pháp luật về quản lý nhà nước trong các lĩnh vực

Đây là nội dung mới được quy định tại Điều 31 Luật Tố cáo quy định thẩm quyền giải quyết tố cáo đối với hành vi vi phạm pháp luật về quản lý nhà nước trong các lĩnh vực. Theo đó: Tố cáo hành vi vi phạm pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân mà nội dung liên quan đến chức năng quản lý nhà nước của cơ quan nào thì cơ quan đó có trách nhiệm giải quyết. Người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính trong cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền giải quyết tố cáo đối với các hành vi vi phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý được giao, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác; Tố cáo có nội dung liên quan đến chức năng quản lý nhà nước của nhiều cơ quan thì các cơ quan có trách nhiệm phối hợp để xác định thẩm quyền giải quyết hoặc báo cáo cơ quan quản lý nhà nước cấp trên quyết định giao cho một cơ quan chủ trì giải quyết; tố cáo có nội dung thuộc thẩm quyền giải quyết của nhiều cơ quan thì cơ quan thụ lý đầu tiên có thẩm quyền giải quyết và tố cáo hành vi vi phạm pháp luật về quản lý nhà nước trong các lĩnh vực có dấu hiệu tội phạm do cơ quan tiến hành tố tụng giải quyết theo quy định của pháp luật về tố tụng hình sự.

5. Việc tiếp nhận, xử lý thông tin tố cáo

5.1. Việc tiếp nhận, xử lý thông tin tố cáo hành vi vi phạm pháp luật của cán bộ, công chức, viên chức trong thực hiện nhiệm vụ, công vụ được Luật Tố cáo quy định cụ thể hơn về trách nhiệm phân loại và xử lý của người giải quyết tố cáo, thời hạn kiểm tra, xác minh hay thời hạn chuyển đơn tố cáo và các quy định cụ thể về các trường hợp người có thẩm quyền không thụ lý giải quyết tố cáo.

5.2. Việc tiếp nhận, xử lý thông tin tố cáo hành vi vi phạm pháp luật về quản lý nhà nước trong các lĩnh vực (Điều 31). Đây là nội dung mới của Luật bao gồm các quy định trong việc tiếp nhận, xử lý thông tin tố cáo hành vi vi phạm pháp luật về quản lý nhà nước trong các lĩnh vực được thực hiện như đối với tiếp nhận, xử lý thông tin tố cáo hành vi vi phạm pháp luật của cán bộ, công chức, viên chức trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ, trừ trường hợp tố cáo hành vi vi phạm pháp luật về quản lý nhà nước trong các lĩnh vực có nội dung rõ ràng, chứng cứ cụ thể, có cơ sở để xử lý ngay. Đối với tố cáo hành vi vi phạm pháp luật về quản lý nhà nước trong các lĩnh vực có nội dung rõ ràng, chứng cứ cụ thể, có cơ sở để xử lý ngay thì việc giải quyết tố cáo được thực hiện theo trình tự: người có thẩm quyền tiếp nhận, xử lý thông tin tố cáo; trường hợp tố cáo hành vi vi phạm pháp luật thuộc lĩnh vực mà mình quản lý, người tiếp nhận tố cáo phải trực tiếp tiến hành hoặc báo cáo người có thẩm quyền giải quyết tố cáo tiến hành ngay việc xác minh nội dung tố cáo, áp dụng các biện pháp cần thiết để đình chỉ hành vi vi phạm và kịp thời lập biên bản về hành vi vi phạm pháp luật (nếu có); việc xác minh, kiểm tra thông tin về người tố cáo được thực hiện trong trường hợp người giải quyết tố cáo thấy cần thiết cho quá trình xử lý hành vi bị tố cáo.

6. Về xác minh nội dung tố cáo, kết luận nội dung tố cáo

Xác minh nội dung tố cáo, kết luận nội dung tố cáo là một trong những nội dung cơ bản của Luật Tố cáo bao gồm việc xác minh nội dung tố cáo, kết luận nội dung tố cáo đối với hành vi vi phạm pháp luật của cán bộ, công chức trong thực hiện nhiệm vụ, công vụ; Xác minh nội dung tố cáo, kết luận nội dung tố cáo đối với hành vi vi phạm pháp luật về quản lý nhà nước trong các lĩnh vực. Như vậy, so với Luật Khiếu nại, tố cáo thì Luật Tố cáo có quy định mới trong việc xác minh nội dung tố cáo, kết luận nội dung tố cáo đối với hành vi vi phạm pháp luật về quản lý nhà nước trong các lĩnh vực.

7. Việc xử lý hành vi vi phạm bị tố cáo của người giải quyết tố cáo

Việc xử lý hành vi vi phạm bị tố cáo của người giải quyết tố cáo là khâu cuối cùng và quan trọng trong quá trình xem xét, giải quyết tố cáo. Việc xử lý khách quan, đúng pháp luật có tác dụng tích cực đối với việc phòng ngừa, đấu tranh chống các hành vi vi phạm pháp luật, đồng thời khuyến khích, động viên ý thức đấu tranh của nhân dân chống lại các hành vi vi phạm pháp luật trong xã hội. Luật Tố cáo đã có quy định xử lý hành vi vi phạm bị tố cáo của người giải quyết tố cáo đối với cả hai nhóm hành vi vi phạm của cán bộ, công chức trong thực hiện nhiệm vụ, công vụ và hành vi vi phạm pháp luật về quản lý nhà nước trong các lĩnh vực.

8. Việc tố cáo tiếp, giải quyết vụ việc tố cáo tiếp

Điều 27 Luật Tố cáo quy định việc tố cáo tiếp, các điều kiện để tố cáo tiếp và việc xem xét, giải quyết của cơ quan, tổ chức cấp trên. Theo đó, khi quá thời hạn quy định mà tố cáo không được giải quyết hoặc người tố cáo có căn cứ cho rằng việc giải quyết tố cáo không đúng pháp luật thì người tố cáo có quyền tố cáo tiếp với người đứng đầu cơ quan cấp trên trực tiếp của người có trách nhiệm giải quyết. Đối với trường hợp quá thời hạn mà tố cáo không được giải quyết thì người đứng đầu cơ quan cấp trên yêu cầu người có trách nhiệm giải quyết tố cáo phải giải quyết, trình bày rõ lý do việc chậm giải quyết tố cáo; có biện pháp xử lý đối với hành vi vi phạm của người có trách nhiệm giải quyết tố cáo; trường hợp việc giải quyết tố cáo của người đứng đầu cơ quan cấp dưới trực tiếp là đúng pháp luật thì không giải quyết lại, đồng thời thông báo cho người tố cáo về việc không giải quyết lại và yêu cầu họ chấm dứt việc tố cáo; trường hợp việc giải quyết của người đứng đầu cơ quan cấp dưới trực tiếp là không đúng pháp luật thì tiến hành giải quyết lại theo đúng trình tự Luật tố cáo quy định.

9. Công khai kết luận nội dung tố cáo, quyết định xử lý hành vi vi phạm bị tố cáo

Để đáp ứng yêu cầu của công tác phòng, chống tham nhũng, Luật Tố cáo đã quy định một số nội dung mới về công khai nội dung tố cáo, quyết định xử lý hành vi vi phạm bị tố cáo. Người giải quyết tố cáo có trách nhiệm công khai kết luận nội dung tố cáo, quyết định xử lý hành vi vi phạm bị tố cáo bằng các hình thức: công bố tại cuộc họp cơ quan, tổ chức nơi người bị tố cáo công tác; niêm yết tại trụ sở làm việc hoặc nơi tiếp công dân của cơ quan, tổ chức đã giải quyết tố cáo, quyết định xử lý hành vi vi phạm bị tố cáo; thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng. Việc công khai này phải bảo đảm không tiết lộ thông tin về người tố cáo và những nội dung thuộc bí mật nhà nước.

10. Bảo vệ người tố cáo

Bảo vệ người tố cáo là nội dung quan trọng và càng trở nên cần thiết hơn trong việc đẩy mạnh công tác phòng chống tham nhũng trong điều kiện hiện nay. Luật Tố cáo đã bổ sung mới Chương V, từ Điều 34 đến Điều 40 về bảo vệ người tố cáo bao gồm các quy định về nơi thực hiện bảo vệ người tố cáo, đối tượng bảo vệ, thời hạn bảo vệ và người có trách nhiệm bảo vệ người tố cáo. Đồng thời luật cũng có quy định việc quy định người tố cáo phải có văn bản yêu cầu bảo vệ chỉ áp dụng trong trường hợp họ có căn cứ cho rằng bị phân biệt đối xử về việc làm, trong việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ công dân, hay nguy hại đến tính mạng, sức khỏe, tài sản, danh dự, nhân phẩm, uy tín của mình. Đây cũng là cơ sở để các cơ quan xác định các biện pháp bảo vệ phù hợp, bảo đảm tính khả thi trên thực tiễn, phù hợp với nguyên tắc bảo vệ bí mật thông tin cho người tố cáo.

11. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức trong việc quản lý công tác giải quyết tố cáo

Luật Tố cáo tiếp tục quy định Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về công tác giải quyết tố cáo trong các cơ quan hành chính nhà nước trong phạm vi cả nước và giao cho Thanh tra Chính phủ chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về công tác giải quyết tố cáo. Các bộ, ngành và Uỷ ban nhân dân các cấp quản lý nhà nước về công tác giải quyết tố cáo trong phạm vi quản lý của mình. Cơ quan thanh tra của các bộ, ngành và địa phương chịu trách nhiệm và giúp các bộ, ngành, địa phương thực hiện nhiệm vụ quản lý công tác giải quyết tố cáo (Điều 41). Đồng thời quy định trách nhiệm của Toà án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán Nhà nước, các cơ quan khác của Nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội trong công tác giải quyết tố cáo; việc phối hợp trong công tác giải quyết tố cáo.

12. Khen thưởng và xử lý vi phạm

Luật Tố cáo quy định cơ quan, tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc giải quyết tố cáo, người tố cáo có công trong việc ngăn ngừa thiệt hại cho Nhà nước, tổ chức, cá nhân thì được khen thưởng về vật chất, tinh thần. Để các quy định về tố cáo và giải quyết tố cáo được thực hiện nghiêm túc, khắc phục những hạn chế, bất cập trong việc xử lý vi phạm về tố cáo và giải quyết tố cáo, Luật Tố cáo đã bổ sung chế tài xử lý hành vi vi phạm của người giải quyết tố cáo cũng như hành vi vi phạm đối với người có trách nhiệm chấp hành các quyết định xử lý hành vi vi phạm bị tố cáo; xử lý hành vi vi phạm đối với người tố cáo và những người khác có liên quan.

13. Các nội dung khác:

Ngoài những nội dung cơ bản trên, Luật Tố cáo kế thừa và quy định cụ thể hơn về một số nội dung như:

- Nguyên tắc giải quyết tố cáo: Luật Tố cáo bổ sung nguyên tắc bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị tố cáo trong quá trình giải quyết tố cáo. Nguyên tắc này cũng được cụ thể hoá tại Khoản 1 Điều 10 về quyền của người bị tố cáo và tại điểm c Khoản 2 Điều 11 quy định nghĩa vụ của người giải quyết tố cáo không tiết lộ thông tin gây bất lợi cho người bị tố cáo khi chưa có kết luận về nội dung tố cáo.

- Những hành vi bị nghiêm cấm: Điều 8 Luật tố cáo đã quy định cụ thể và chi tiết hơn về các hành vi bị nghiêm cấm như nghiêm cấm hành vi lợi dụng việc tố cáo để tuyên truyền chống Nhà nước, xâm phạm lợi ích Nhà nước…

- Hình thức tố cáo: Nhằm tránh bị lợi dụng để xuyên tạc, vu khống, gây rối, làm mất đoàn kết nội bộ hoặc để phát tán thông tin về việc tố cáo, nhất là trên các trang mạng điện tử, gây ảnh hưởng xấu đến danh dự, uy tín của người khác hoặc cản trở hoạt động bình thường của cơ quan nhà nước, kế thừa Luật Khiếu nại, tố cáo, Luật Tố cáo tiếp tục ghi nhận hình thức tố cáo trực tiếp và gửi đơn tố cáo, đồng thời quy định rõ các nội dung, hình thức của đơn tố cáo như đơn tố cáo phải có chữ ký hoặc điểm chỉ của người tố cáo; trường hợp tố cáo trực tiếp thì người tố cáo phải ký tên hoặc điểm chỉ vào bản ghi nội dung tố cáo. Trường hợp nhiều người cùng tố cáo thì trong đơn phải ghi rõ họ, tên, địa chỉ, chữ ký hoặc điểm chỉ của từng người tố cáo và phải cử người đại diện để trình bày khi có yêu cầu của người giải quyết tố cáo.

- Trách nhiệm phối hợp của các cơ quan, tổ chức trong việc giải quyết tố cáo: Luật quy định trách nhiệm, thời hạn cung cấp thông tin, tài liệu của cơ quan, tổ chức theo yêu cầu của người giải quyết tố cáo. Theo đó, cơ quan, tổ chức, cá nhân đang quản lý, lưu giữ thông tin, tài liệu có liên quan đến nội dung tố cáo có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin, tài liệu theo yêu cầu của người có thẩm quyền giải quyết tố cáo trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu; trường hợp không cung cấp hoặc cung cấp không đầy đủ, kịp thời thông tin, tài liệu theo yêu cầu thì tuỳ theo mức độ vi phạm mà bị xử lý theo quy định của pháp luật.